TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QN** Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ST, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn chị Đinh Thị T, sinh năm 1983;
- Bị đơn anh Đinh Văn P, sinh năm 1983;

Đều trú tại thôn BM, xã ST, huyện ST, tỉnh QN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Đinh Thị T với bị đơn anh Đinh Văn P;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh P công nhận có hai người con chung tên là: Đinh Minh K sinh ngày 24/12/2005 và cháu Đinh Minh K1 sinh ngày 24/11/2011, chị T và anh P thỏa thuận việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung như sau: chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Đinh Minh K1 sinh ngày 24/11/2011, anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Đinh Minh K sinh ngày 24/12/2005, không yêu cầu bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm hoặc cản trở.

3. Về các tài sản chung, nợ vay chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004958 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh QN. Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh QN hoàn trả lại cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện ST;
- UBND xã ST (Tư Pháp);
- Chi cục THADS huyện ST;
- TAND tỉnh;
- - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Phước